

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HIỆP ĐỊNH VAY PHỤ

(DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CACBON THẤP)

GIỮA

BỘ TÀI CHÍNH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2014

HIỆP ĐỊNH VAY PHỤ
GIỮA BỘ TÀI CHÍNH VIỆT NAM VÀ
NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ
VỀ VIỆC SỬ DỤNG MỘT PHẦN VỐN VAY ADB THEO HIỆP ĐỊNH VAY
SỐ 2968-VIE (SF) KÝ NGÀY 07.03.2013
ĐỂ THỰC HIỆN HỢP PHẦN TÍN DỤNG CỦA DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP
CACBON THẤP

Hiệp định này ký ngày /08/2014 (sau đây gọi là “Hiệp định vay phụ”) giữa Bộ Tài chính Việt Nam (sau đây gọi là “Bộ Tài chính”) được đại diện bởi Ông Nguyễn Mạnh Hòa, Phó Cục trưởng Cục quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính và Ngân hàng Hợp tác xã sau đây viết tắt là Ngân hàng Hợp tác) được đại diện bởi Ông Đỗ Mạnh Hùng, Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác xã.

Căn cứ vào:

1. Hiệp định Tài trợ số 2968 -VIE (SF) (sau đây viết tắt là Hiệp định vay) ký ngày 07/ 03/2013 giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Việt Nam) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (sau đây gọi là ADB) và Hiệp định Dự án số 2968-VIE(SF) (sau đây viết tắt là “Hiệp định Dự án” ký cùng ngày với Hiệp định Tài trợ giữa ADB và Ngân hàng Hợp tác), ADB đã chấp thuận cho Việt Nam vay một khoản bằng nhiều đồng tiền khác nhau tương đương 48.170.000 SDR (Bốn mươi tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn Quyền Rút vốn Đặc biệt) (sau đây gọi là “Khoản vay”) để tài trợ cho Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp như được mô tả trong Phụ lục 1 của Hiệp định vay (sau đây gọi là Dự án).

2. Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/07/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

3. Công văn số 9483/VPCP-QHQT ngày 21/11/2012 của Văn phòng Chính phủ và công văn số 3968/VPCP-QHQT ngày 02/06/2014 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh phê duyệt cơ chế tài chính áp dụng đối với dự án “Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp” vay vốn ADB theo đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 15126/BTC-QLN ngày 31/10/2012 và công văn số 5744/BTC-QLN ngày 05/05/2014.

4. Mục 3.02 của Hiệp định vay, theo đó Việt Nam đồng ý dành cho Ngân hàng Hợp tác vay lại một phần tiền trong tổng số tiền Hai mươi ba triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn Quyền Rút Vốn Đặc Biệt (23.239.000 SDR) để thực hiện hợp phần tín dụng của Dự án theo quy định tại Hiệp định vay.

Bộ Tài chính và Ngân hàng Hợp tác đã thỏa thuận và thống nhất ký kết Hiệp định vay phụ này theo các điều kiện và điều khoản qui định sau đây:

ĐIỀU I

Định nghĩa

Trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi, các thuật ngữ được dùng ở bất kỳ chỗ nào trong Hiệp định vay phụ này đều có ý nghĩa tương ứng như đã được xác định tại Hiệp định Vay và Hiệp định Dự án.

ĐIỀU II

Số tiền, điều khoản và điều kiện của Hiệp định vay phụ

Mục 2.01

Bộ Tài chính đồng ý cho Ngân hàng Hợp tác vay lại một phần của Khoản vay ADB với số tiền bằng VNĐ tương đương không quá 23.239.000 SDR (Hai mươi ba triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn Quyền Rút Vốn Đặc Biệt) để triển khai Hợp phần 2 của Dự án như quy định tại Phần 2(i), Phụ lục 1 của Hiệp định vay (sau đây gọi là Khoản vay lại) phù hợp với các điều kiện và điều khoản sau:

- a. Đồng tiền cho vay lại và đồng tiền nhận nợ là Đồng Việt Nam (VNĐ). Thời điểm nhận nợ tính từ ngày ADB giải ngân từ Tài khoản vay đối với từng đơn xin rút vốn liên quan đến Tài khoản do Ngân hàng Hợp tác mở để tiếp nhận khoản tín dụng này, theo quy định tại Hiệp định vay. Số tiền nhận nợ được quy đổi từ các đồng tiền khác nhau ra Đồng Việt Nam tại thời điểm nhận nợ. Tỷ giá hối đoái được sử dụng là tỷ giá mua vào của ngân hàng phục vụ tại thời điểm nhận nợ.
- b. Tổng số tiền vay lại bằng VNĐ tương đương không được vượt quá 23.239.000 SDR trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án. Ngân hàng Hợp tác được sử dụng Khoản vay lại theo nguyên tắc “Trong số các tổ chức tín dụng tham gia thực hiện Hợp phần tín dụng của Dự án, tổ chức tín dụng nào có đơn rút vốn hợp lệ trước gửi đến Bộ Tài chính và đáp ứng được tất cả các tiêu chí hợp lệ và các yêu cầu khác được quy định tại Mục 3.01d sẽ được ưu tiên giải ngân trước cho đến khi giải ngân hết hạn mức tín dụng”.
- c. Lãi suất cho vay lại: Lãi suất cho vay từ Bộ Tài chính đến Ngân hàng Hợp tác bằng 85% lãi suất bình quân gia quyền các khoản huy động vốn kỳ hạn 3, 6, 12 tháng của 5 Ngân hàng thương mại Nhà nước và Ngân hàng Hợp tác xã do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo hàng quý cho Bộ Tài chính.

- d. Để áp dụng lãi suất cho vay lại tại điểm c nêu trên, Ngân hàng Hợp tác áp dụng lãi suất cho vay tiếp tới người vay của Ngân hàng Hợp tác theo mức quy định tại điểm c, Mục 3.01 Hiệp định vay phụ này.
- e. Phí cho vay lại trong nước đối với số dư nợ tại từng thời điểm của Khoản vay phụ sẽ được Ngân hàng Hợp tác trả bằng VND cho Bộ Tài chính vào cùng ngày thanh toán gốc, lãi với mức Không phải hai phần trăm (0,2%)/năm.
- f. Thời hạn khoản vay lại là 32 năm, gồm 8 năm ân hạn, bắt đầu từ ngày Hiệp định vay có hiệu lực.

Mục 2.02. Lịch trả nợ gốc, lãi của khoản vay lại

- a. Ngân hàng Hợp tác sẽ hoàn trả cho Bộ Tài chính số nợ gốc của khoản vay lại bằng đồng Việt Nam theo 48 bán niên bằng nhau vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm, bắt đầu từ ngày 01/06/2021 và lần thanh toán cuối cùng vào ngày 01/12/2044.
- b. Vào ngày 01/06 và 01/12 hàng năm, bắt đầu từ khi phát sinh dư nợ, Ngân hàng Hợp tác sẽ trả lãi tiền vay cho Bộ Tài chính trên số dư nợ gốc tùy từng thời điểm với mức lãi suất nêu ở điểm (b) mục 2.01 nêu trên.
- c. Lãi và lãi chậm trả được tính trên số ngày thực tế sử dụng vốn và trên cơ sở một năm là 360 ngày.
- d. Trường hợp ngày 01/06 và 01/12 rơi vào ngày nghỉ thì Ngân hàng Hợp tác trả cho Bộ Tài chính vào ngày làm việc liền kề sau đó.
- e. Đối với bất cứ đợt trả nợ gốc và lãi của khoản vay lại quá hạn, Ngân hàng Hợp tác sẽ phải trả lãi phạt bằng 150% của lãi suất cho vay lại tính trên số tiền gốc và lãi quá hạn, áp dụng cho số ngày quá hạn. Ngày quá hạn được tính là ngày liền kề ngay sau ngày đến hạn trả nợ mà Ngân hàng Hợp tác không trả nợ.
- f. Ngân hàng Hợp tác chủ động tính toán lãi, gốc và lãi chậm trả (nếu có) và chuyển tiền cho Bộ Tài chính vào Quỹ tích lũy trả nợ theo chi tiết như sau:

- Tên Tài khoản: CỤC QLN TCDN_BTC_QUỸ TLTN NƯỚC NGOÀI (THU HỒI CHO VAY LẠI BẰNG VNĐ).

- Số Tài khoản : 3761.0.9068445.91002

- Nơi mở tài khoản: Sở Giao dịch, Kho bạc Nhà nước.

Hoặc một tài khoản khác do Bộ Tài chính thông báo trước ngày đến hạn 10 ngày tùy từng thời điểm.

- g. Đối với bất cứ đợt trả nợ gốc và lãi của khoản vay lại trước hạn, Ngân hàng Hợp tác phải thông báo trước cho Bộ Tài chính bằng văn bản trước 30 ngày.
- h. Ngân hàng Hợp tác chịu toàn bộ rủi ro tín dụng khi cho các tiêu dự án vay lại từ khoản vay lại này.

Mục 2.03

Quy trình giải ngân cho Khoản vay lại này thực hiện theo các quy định tại Sổ tay hướng dẫn giải ngân của ADB (năm 2012, và sửa đổi theo từng thời điểm).

ĐIỀU III

Cam kết của Ngân hàng Hợp tác

Mục 3.01. Ngân hàng Hợp tác đồng ý:

- a. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của mỗi tỉnh tham gia dự án để đảm bảo rằng các công việc được tài trợ từ Khoản vay lại được tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí môi trường và kỹ thuật đã được xây dựng và nhất trí giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ADB.
- b. Khoản vay lại tài trợ không quá 85% chi phí xây dựng chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục môi trường cần thiết, 15% còn lại được tài trợ từ nguồn vốn tự huy động của Ngân hàng Hợp tác.
- c. Lãi suất cho vay lại từ Ngân hàng Hợp tác đến các đối tượng hợp lệ sử dụng Khoản vay lại tối đa bằng 90% lãi suất cho vay nông nghiệp thông thường tại thời điểm cho vay, đảm bảo các đối tượng hợp lệ có khả năng tiếp cận và chi trả được nguồn tài chính để xây dựng chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục môi trường cần thiết.
- d. Sử dụng Khoản vay lại để cho các hộ gia đình, doanh nghiệp hợp lệ vay lại, nếu các chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục môi trường này đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, xã hội, môi trường, kinh tế và tài chính đã trình bày trong Sổ tay Quản lý Dự án.
- đ. Đảm bảo rằng các hộ gia đình hưởng lợi trong Tỉnh Dự án, bao gồm cả các hộ đã được hỗ trợ về tài chính theo Chương trình Biogas, là đối tượng hợp lệ vay vốn của Dự án.
- e. Đảm bảo rằng Khoản vay lại sẽ được sử dụng ở các tỉnh dự án sau: (i) Bắc Giang, (ii) Bến Tre, (iii) Bình Định, (iv) Nam Định, (v) Hà Tĩnh,

(vi) Lào Cai, (vii) Phú Thọ, (viii) Sơn La, (ix) Sóc Trăng, (x) Tiền Giang.

- f. Thực hiện các quyền liên quan đến khoản vay nhằm bảo vệ quyền lợi của chính Ngân hàng Hợp tác, quyền lợi của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ADB và tuân thủ các nghĩa vụ như quy định trong Hiệp định và đạt được các mục đích của Dự án;
- g. Chuẩn bị và nộp, và/hoặc buộc phải chuẩn bị và nộp, lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ADB tất cả các thông tin và tài liệu phù hợp với các quy định trong Sổ tay Quản lý Dự án mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ADB yêu cầu liên quan đến hoạt động của Dự án do Ngân hàng Hợp tác thực hiện;
- h. Hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ADB tiếp cận với các cán bộ của Ngân hàng Hợp tác và các kiểm toán viên mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc ADB yêu cầu nhằm phục vụ mục đích giám sát và thực hiện các hoạt động của Dự án do Ngân hàng Hợp tác thực hiện;
- i. Ký Hợp đồng tín dụng cho vay lại cho với từng hộ gia đình, doanh nghiệp hợp lệ, theo điều khoản và điều kiện phù hợp với các quy định trong Sổ tay Quản lý Dự án, theo đó Ngân hàng Hợp tác có đủ quyền để bảo vệ quyền lợi của chính Ngân hàng Hợp tác và quyền lợi của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ADB gồm quyền yêu cầu các hộ gia đình, doanh nghiệp hợp lệ:
- (i) thực hiện xây dựng chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục môi trường cần thiết hiệu quả phù hợp với các thông lệ và tiêu chuẩn kỹ thuật, kinh tế, tài chính, quản lý, môi trường và xã hội được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ADB chấp nhận và thực hiện theo các hướng dẫn tại Sổ tay Quản lý Dự án, gồm cả các quy định của các Khung an toàn và các quy định của Chính sách chống tham nhũng của ADB (2009) áp dụng cho người vay khoản tín dụng ADB;
 - (ii) kịp thời cung cấp các nguồn lực theo yêu cầu để thực hiện xây dựng chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục môi trường cần thiết;
 - (iii) bảo đảm rằng hàng hoá, xây lắp và dịch vụ, được Dự án tài trợ thực hiện đấu thầu mua sắm tại mức giá hợp lý theo các quy định của Sổ tay Quản lý Dự án;
 - (iv) kịp thời cho phép hoặc phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ADB, nếu ADB yêu cầu, thanh tra việc xây dựng

chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục môi trường cần thiết hoặc các ghi chép và tài liệu có liên quan; và

- (v) chuẩn bị và nộp kịp thời lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ADB tất cả các thông tin mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ADB yêu cầu liên quan đến việc xây dựng chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục môi trường cần thiết;
- j. Duy trì các tài khoản riêng cho dự án, hạch toán và báo cáo riêng biệt danh mục đầu tư của các Khoản vay lại thường xuyên theo mẫu của ADB; thực hiện kiểm toán hàng năm các tài khoản đó và các báo cáo tài chính liên quan theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế do một công ty kiểm toán độc lập, có năng lực, kinh nghiệm được Ban Quản lý Dự án Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn và được ADB chấp thuận. Như một phần của kiểm toán, các kiểm toán viên sẽ chuẩn bị một báo cáo (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên về việc sử dụng khoản vay lại và việc tuân thủ các điều khoản tài chính của Hiệp định Dự án cũng như thủ tục tài khoản tạm ứng và sao kê chi tiêu) và một thư quản lý (trong đó chỉ ra những thiếu sót trong quản trị nội bộ dự án mà kiểm toán viên phát hiện ra trong quá trình kiểm toán (nếu có);
- k. Thiết lập quỹ quay vòng từ toàn bộ các khoản lãi và gốc của các khoản vay phụ được thanh toán trong khuôn khổ dự án. Trong thời gian thực hiện dự án, Ngân hàng Hợp tác sẽ nhanh chóng giải ngân các khoản tiền của quỹ quay vòng để cấp tín dụng cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp hợp lệ khác đã đăng kí vay lại thuộc Dự án này;
- l. Lựa chọn cẩn thận những người vay lại thông qua đánh giá khả năng trả nợ, đánh giá tài sản cố định của họ, nghiên cứu các khả năng tài chính trong đơn xin vay và kiểm tra, giám sát chặt chẽ những người vay lại này nhằm đảm bảo rằng bất cứ thời điểm nào trong suốt quá trình thực hiện dự án, tỷ lệ nợ xấu của các khoản vay được tài trợ bằng nguồn vốn dự án không vượt quá 5%;
- m. Tùy theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hay ADB (có thể được đưa ra trong quá trình thực hiện Dự án), kịp thời cung cấp những thông tin cập nhật về bất cứ khoản nợ xấu nào trong danh mục khoản vay được tài trợ bởi nguồn vốn dự án cũng như phản hồi một cách đầy đủ, toàn diện bất cứ chất vấn nào của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và ADB;
- n. Ngân hàng Hợp tác sẽ ngay lập tức thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và ADB khi có bất cứ nghi ngờ nào để tin rằng (i) tỷ lệ nợ xấu của các khoản vay được tài trợ bằng nguồn vốn Dự án vượt quá 5%; và (ii) tỷ lệ nợ xấu của các khoản vay được tài trợ bằng nguồn vốn Dự án vượt quá 10% (giới hạn tỷ lệ nợ xấu); và (ii) tại bất cứ thời điểm nào, nếu vượt quá giới hạn này, Ngân hàng Hợp tác sẽ ngay lập tức phải dừng

triển khai bất cứ khoản tín dụng hiện tại hoặc đang chờ phê duyệt hay đơn xin vay vốn cũng như không được phép giải ngân thêm bất cứ khoản vay nào;

- o. Đảm bảo rằng các tiêu chí kỹ thuật và môi trường quy định trong PAM được bổ sung vào tiêu chí khoản vay hợp lệ của Ngân hàng Hợp tác để các đối tượng thuộc dự án này có thể tiếp cận được khoản vay;
- p. Thực hiện đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tiêu chí hợp lệ của Ngân hàng Hợp tác, tiêu chí về kỹ thuật xã hội, môi trường và các tiêu chuẩn về kinh tế và tài chính của ADB nêu tại Báo cáo của ADB và Khuyến nghị của Chủ tịch (RRP), PAM của Ngân hàng Hợp tác và các tài liệu bổ sung khác, trong quá trình thực hiện dự án (dưới đây gọi là "Tiêu chí hợp lệ"). Bằng cách thực hiện Hiệp định vay phụ này, Ngân hàng Hợp tác xác nhận đã đọc và hiểu các Hướng dẫn về Chuỗi giá trị khí sinh học (được quy định như một phụ lục kèm theo Hướng dẫn quản lý dự án) và đồng ý tuân thủ đầy đủ nội dung của Hiệp định vay phụ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc linh hoạt trong yêu cầu về thế chấp tài sản đối với người đi vay xây dựng các công trình khí sinh học loại nhỏ (như quy định tại mục E (dòng tín dụng cho các công trình khí sinh học) của Hướng dẫn về Chuỗi giá trị khí sinh học).

ĐIỀU IV

Bồi thường

Mục 4.01

Trong trường hợp Ngân hàng Hợp tác không thực hiện được các nghĩa vụ của mình như quy định trong Hiệp định vay phụ này, Bộ Tài chính sẽ có quyền, tùy theo sự lựa chọn của mình, quyết định yêu cầu Ngân hàng Hợp tác bồi thường hoặc yêu cầu Ngân hàng Hợp tác trả nợ trước hạn theo quy định của pháp luật.

Mục 4.02

Không một quy định nào trong Hiệp định vay phụ này được làm phương hại hay ảnh hưởng đến các quyền và quyền được bồi thường của Bộ Tài chính có được theo Luật pháp.

Mục 4.03

Nếu các quyền rút vốn từ Tài khoản Tín dụng của Việt Nam theo Hiệp định vay bị đình chỉ hay chấm dứt, bất kể vì lý do gì, thì tương tự Khoản vay phụ này cũng sẽ lập tức bị đình chỉ hay chấm dứt trong cùng thời điểm đó, nếu trường hợp này xảy ra.

ĐIỀU V

Các quy định khác

Mục 5.01

Hiệp định vay phụ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký.

Mục 5.02

Hiệp định vay phụ này sẽ ràng buộc cả với những cơ quan kế nhiệm Ngân hàng Hợp tác dưới bất kỳ hình thức nào.

Mục 5.03

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với các điều khoản và điều kiện của Hiệp định vay phụ, nếu có, sẽ phải được thực hiện bằng văn bản và được cả hai bên cùng ký và sẽ được xem như một bộ phận không tách rời của Hiệp định vay phụ này.

Mục 5.04

Hiệp định vay phụ được lập thành 4 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau và mỗi bên giữ 02 bản.

Mục 5.05

Bất kỳ mâu thuẫn nào nảy sinh liên quan đến việc thực hiện Hiệp định vay phụ này không thể giải quyết bằng thương lượng giữa hai bên sẽ được phán xử tại Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội hay bất kỳ một cơ quan kế nhiệm nào của Tòa án này.

Mục 5.06

Trong trường hợp gặp rủi ro bất khả kháng dẫn đến không thu hồi được nợ từ các hộ gia đình hợp lệ, Ngân hàng Hợp tác phải thông báo kịp thời cho Bộ Tài chính, các bên sẽ cùng xem xét giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành.

Mục 5.07

Mọi thông báo, hoặc yêu cầu hay thỏa thuận nào giữa các Bên liên quan đến Hiệp định vay phụ này phải được thực hiện bằng văn bản. Các thông báo hoặc yêu cầu như vậy sẽ được coi là hợp lệ khi được gửi tới các Bên

theo địa chỉ dưới đây. Bên nào có sự thay đổi địa chỉ thì bên đó phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết.

Bộ Tài chính:

Số 28 phố Trần Hưng Đạo,
Hà Nội, Việt Nam
Số Fax: 84 - 4 - 22208020/22208112

Ngân hàng Hợp tác xã

Tòa nhà 15 T Phố Nguyễn Thị Định, Trung Hòa, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Số Fax: 04 39741615

Với sự chứng kiến của các Bên có mặt ở đây, thông qua các đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình, Hiệp định vay phụ này được ký kết theo tên tương ứng của đại diện mỗi bên và được ban hành tại Hà Nội vào ngày và năm như được quy định ở đầu Hiệp định này.

NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Đại diện được ủy quyền *chữ*



Ông Đỗ Mạnh Hùng
Tổng giám đốc

BỘ TÀI CHÍNH

Đại diện được ủy quyền *chữ*



Ông Nguyễn Mạnh Hòa
Phó Cục trưởng